TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **421**/2023/DS-PT
Ngày: 20-12-2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình;

Ông Nguyễn Tấn Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mua bán tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2023/QĐ-PT ngày 20/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 313/2023/QĐ-PT ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Phương K; địa chỉ: E Anh Hùng N, Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lại Tấn T và bà Bùi Thị Thúy H; địa chỉ: 9 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ông T vắng mặt, bà H có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thanh C; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Trọng V; địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3.2. Ông Lê Hoàng V1; địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3.3. Công ty cổ phần L. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức T1 – Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần L; địa chỉ: B S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt.

3.4. Công ty TNHH X. Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Ánh N – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X; địa chỉ: 9 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.5. Công ty TNHH K1: Ông Lại Tấn T – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K1; địa chỉ: 9 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Phương K trình bày có nội dung:*

Ngày 19/5/2020, giữa tôi (bên mua) và Công ty TNHH K1 do ông Lại Tấn T làm giám đốc (bên bán) có ký Hợp đồng kinh tế số 10/MBGK. CNX/2020 để tiến hành mua bán gỗ Keo nguyên liệu (gỗ keo rừng trồng). Trên hợp đồng là do ông Lại Tấn T làm giám đốc ký nhưng thực tế việc mua bán keo nguyên liệu là do bà Bùi Thị Thúy H là vợ của ông Lại Tấn T trực tiếp giao dịch mua bán và nhận, ứng tiền với tôi. Tổng số tiền ứng tôi chuyển qua tài khoản ngân hàng của vợ chồng ông Lại Tấn T, bà Bùi Thị Thúy H (sau đấy viết tắt là ông T, bà H) là: 8.700.000.000đ. Sau nhiều lần tôi yêu cầu thực hiện việc mua bán nhưng vợ chồng ông T, bà H không thực hiện hợp đồng và không trả lại tiền cho tôi. Do đó, đến ngày 31/12/2021 vợ chồng ông T, bà H với tôi viết giấy thỏa thuận nợ 8.700.000.000 đồng và vợ chồng ông T, bà H đồng ý giao tài sản là: Dãy nhà trọ và thửa đất CL 071110 thửa đất số 395, tờ bản đồ số 54, diện tích: 387,2m tại địa chỉ: Phường T, thành phố B, Đắk Lắk. Nhà ở cùng thửa đất CL 071110 thửa đất 123, tờ bản đồ số 54, diện tích thửa đất 381,2m^2 tại địa chỉ: Phường T, thành phố B, Đắk Lắk.

Tổng giá trị tài sản trên là 12,5 tỷ đồng nhưng tại thời điểm thỏa thuận giao tài sản thì tài sản này hiện đang thế chấp Ngân hàng, nên vợ chồng ông T, bà H yêu cầu trừ đi số tiền đang nợ Ngân hàng, phần còn lại tôi được cấn trừ nợ từ việc ứng mua gỗ keo. Sau khi có giấy thỏa thuận giao tài sản trên cho tôi thì vợ chồng ông T, bà H đã tiến hành việc chuyển nhượng tài sản này cho bà Lê Cao Như Ý và Trần Phan Thanh H1 (cháu của ông T, bà H) mà không thực hiện giao đất cho tôi như cam kết. Ông T, bà H đã vi phạm nội dung trong giấy thỏa thuận ngày 31/12/2021.

Để tạo niềm tin cho tôi về số tiền đã ứng nên ngày 25/01/2022, vợ chồng ông T, bà H và tôi lập Hợp đồng vay tiền có nội dung vợ chồng ông T, bà H vay của tôi số tiền 8.700.000.000 đồng (tám tỷ bảy trăm nghìn đồng). Hợp đồng được công chứng tại phòng công chứng Bùi Đình P. Thời hạn kể từ ngày hợp đồng được công chúng đến ngày 25/4/2022. Tuy nhiên, từ đó đến tôi đã nhiều lần đến đòi nhưng vợ chồng ông T, bà H không thực hiện giao hàng hoặc trả lại số tiền trên cho tôi.

Ngoài số tiền nợ mua bán gỗ keo nguyên liệu nói trên, vợ chồng ông T, bà H còn nợ tôi số tiền: 4.500.000.000 đồng cũng từ việc ứng tiền để khai thác rừng trồng mua của Công ty cổ phần L để bán lại cho tôi nhưng sau đó không giao hàng. Dẫn tới vợ chồng tôi bị thiệt hại do việc ông T, bà H không giao số gỗ keo như thỏa thuận.

Bà H có chụp hình ảnh gửi cho tôi qua Zalo tiền hàng mà tôi đã nhận của bà H, chữ viết của bà H để tôi xác nhận số gỗ keo mà tôi đã nhận của bà H là 1.991.410 kg gỗ keo trong tổng số 4.500.000.000 đồng ứng, giá trị của 1.991.410 kg keo là 2.089.521.000 đồng chưa trừ tiền công, xe, khai thác (theo thoả thuận bà H phải chịu số tiền này, tuy nhiên tôi đã trả tiền công thợ cho bà H để khấu trừ tiền gốc đã khai thác) với giá từ trên xuống đến bãi và gắp lên xe là 450.000đồng/tấn x 1.991.410kg = 896.134.500 đồng. Vậy số tiền tôi đã thu hồi từ bà H là 2.089.521.000 đồng – 896.134.500 đồng = 1.193.386.500 đồng. Mà số tiền tôi đã tạm ứng cho bà H là: 4.500.000.000 đồng - 1.193.386.500 đồng = 3.306.613.500 đồng. Tổng số tiền mà tôi khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H nợ tôi là: 13.200.000.000đ (trong đơn khởi kiện tôi ghi là 13 tỷ đồng là công nhầm lẫn).

Nay tôi xin thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết: Buộc vợ chồng ông T, bà H trả lại số tiền **12.006.613.500** đồng cho tôi và trả tiền lãi suất theo quy định pháp luật. Yêu cầu Hủy giấy thỏa thuận ngày 31/12/2021 vì ông T, bà H vi phạm thỏa thuận.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh C trình bày:*

Vào khoảng tháng 5/2020, bà Bùi Thị Thúy H và bà Lê Nguyễn Phương K có thỏa thuận miệng về việc hợp tác để cùng mua bán gỗ keo từ Công ty cổ phần L (Công ty L) để chia lợi nhuận, theo đó bà K sẽ chuyển tiền cho bà H và bà K là người trực tiếp khai thác, phân phối gỗ keo từ rừng cây do bà H đại diện ký và mua từ Công ty L. Qua bàn bạc với bà K thì bà H đứng ra đại diện ký tên mua rừng keo trồng với diện tích 140 ha, tương đương với giá trị 10.500.000.000 (mười tỷ năm trăm triệu) đồng từ Công ty L. Việc khai thác keo theo từng đợt xe tải hàng cho tới hết rừng keo nêu trên. Trước mỗi đợt khai thác thì bà K sẽ chuyển cho bà H một số tiền tạm ứng để bà H chuyển cho Công ty L, việc khai thác sẽ do bà K đưa xe tới chở mang đi, còn bà H sẽ là người thuê nhân công cưa, chặt, mang vác gỗ keo lên xe tải hàng do bà K cử người tới, mỗi đợt chở hàng thì tài xế xe tải hàng đều ký vào giấy xuất hàng và giữ đưa cho bà K, bà H không giữ phiếu này mà chỉ ghi chép lại mỗi đợt. Tổng số tiền bà K đã chuyển cho bà H là 7.317.000.000 (bảy tỷ ba trăm mười bảy triệu) đồng, bà H đã chuyển cho Công ty L là 9.467.000.000 (chín tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu) đồng, nhưng tới khi khai thác được 80% của 140ha rừng keo thì bà K không ứng tiền cho bà H để tiếp tục khai thác nữa nên bà H có yêu cầu bà K cùng ngồi lại để tất toán các chi phí mà hai bên đã bỏ ra nhưng bà K hẹn vẫn chưa gặp nhau để tất toán.

Trong quá trình khai thác bà K có nhờ chồng bà H là ông Lại Tấn T - là giám

đốc Công ty TNHH K1 đại diện ký hợp đồng kinh tế số 10/MBGK.CNX/2020 để có cơ sở bà K đi mượn tiền đầu tư khai thác gỗ keo nêu trên chứ thực tế giữa các bên không có giao dịch như trong hợp đồng nêu. Vào ngày 31/12/2021 giữa bà K và vợ chồng bà lập một giấy thỏa thuận cũng với mục đích để có cơ sở bà K đi mượn tiền đầu tư khai thác gỗ keo nêu trên. Vì giấy thỏa thuận ngày 31/12/2021 không có công chứng nên vào ngày 25/01/2022 bà K có yêu cầu vợ chồng bà H ra văn phòng công chúng Bùi Đình P lập hợp đồng vay để có sở sở bà K đi mượn tiền khai thác keo. Nhưng giữa các bên không có việc cho vay tiền này.

Nay bà K khởi kiện vợ chồng bà H phải trả số tiền 8,7 tỷ đồng theo giấy vay nợ thì ông T, bà H không đồng ý vì bà H mỗi lần nhận tạm ứng đều chuyển cho Công ty L để được khai thác gỗ và giữa bà H và bà K không có việc vay mượn theo hợp đồng vay mượn ngày 25/01/2022. Đối với yêu cầu hủy giấy thỏa thuận lập ngày 31/12/2021 là phù hợp vì mục đích ký giấy thỏa thuận để bà K có cơ sở mượn tiền khai thác gỗ.

Đối với số tiền 4.500.000.000 đồng thì vợ chồng bà H có nhận số tiền này của bà K là tiền tạm ứng keo và bà K đã khai thác đủ số lượng keo từ Công ty L nên vợ chồng bà H không đồng ý với yêu cầu này.

Đối với số tiền công, xe, khai thác với giá từ trên xuống đến bãi và gắp lên xe là 450.000đồng/tấn x 1.991.410kg = 896.134.500 đồng vấn đề vợ chồng bà H chưa chốt lại với bà K vì số tiền công, xe, khai thác các bên có trả chung, bà K trả một phần và bà H trả một phần nên chưa chốt được tiền công và lợi nhuận là bao nhiêu để khấu trừ cho nhau. Đối với chứng cứ mà bà H trả tiền công, xe thì không cung cấp được cho Tòa án. Nay bà K khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Công ty cổ phần L. Năm 2019 Công ty cổ phần L có ký hợp đồng kinh tế số 13/2019/HĐKT ngày 18/12/2019 bán cho Công ty K1 198,5ha cây keo tại huyện L, hiện nay hợp đồng đã thực hiện xong, Công ty đã nhận đủ tiền theo hợp đồng, bên mua đã khai thác hết diện tích keo theo hợp đồng chúng tôi không có tranh chấp gì trong hợp đồng này.

Năm 2020 Công ty cổ phần L có ký hợp đồng với Công ty X với diện tích khai thác gỗ keo 140ha. Đối với hợp đồng này chúng tôi giao dịch làm việc Công ty X (nay là Công ty X) không liên quan với ông T và bà H. Việc tranh chấp giữa bà H và bà K thì tôi không có liên quan.

2. Ông Lê Trọng V trình bày:

Vì công việc bận rộn của bà Lê Nguyễn Phương K, nên có nhờ tôi đi chuyển tiền giùm từ năm 2021 đến năm 2022. Nội dung chuyển tiền cho bà Bùi Thị Thúy H mượn tiền, cụ thể các lần chuyển tiền như sau; Ngày 07/03/2021 chuyển 900.000.000đ, ngày 01/04/2021 chuyển 300.000.000đ, ngày 05/05/2021 chuyển 400.000.000đ, ngày 27/05/2021 chuyển 500.000.000đ, ngày 01/07/2021 chuyển

200.000.000đ, ngày 29/03/2022 chuyển 200.000.000đ. Số tiền đã chuyển cho bà Bùi Thị Thúy H là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn). Tất cả số tiền trên đều chuyển vào tài khoản của bà Bùi Thị Thúy H và tài khoản Công ty TNHH X, số TK 111704070023493 tại Ngân hàng H2, Đắk Lắk.

3. Ông Lê Hoàng V1 trình bày:

Tôi là người làm công cho bà Bùi Thị Thúy H, công việc của tôi là khai thác keo huyện Lắk cho bà H cụ thể là khai thác, cắt, kéo, vận chuyển bốc lên xe ô tô. Giữa bà H và bà K mua bán gỗ keo như thế nào tôi không biết, tôi chỉ biết khai thác cây keo bốc lên xe, giữa tôi và bà H không có lập hợp đồng khai thác mà chỉ nói miệng với nhau, hai bên thoả thuận 450.000 đồng/tấn. Khoảng đầu năm 2022 tôi có khai thác gỗ kéo cho bà H bán cho bà K là 1.991.410 tấn gỗ keo với giá tiền 450.000 đồng/tấn = 896.134.400 đồng, tôi có đòi bà H trả tiền công nhưng bà H nói với tôi là để bà K thanh toán giùm và bà H sẽ khấu trừ tiền mua bán gỗ với bà K, do vậy tôi có yêu cầu bà K trả cho tôi số tiền 896.134.400 đồng, bà K đã trả cho tôi số tiền này, khi trả không lập giấy tờ vì giữa bà K và bà H xử lý công nợ, tôi chỉ nhận tiền và trả công cho thợ của tôi. Tôi xác nhận là nhận đủ số tiền 896.134.400 đồng từ bà K thanh toán công khai thác gỗ keo giúp bà H, còn việc hai bên mua bán nợ nần nhau như thế nào tôi không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 430, 357, 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Nguyễn Phương K.

2. Buộc vợ chồng ông Lại Tấn T, bà Bùi Thị Thúy H trả cho bà Lê Nguyễn Phương K số tiền 12.730.312.413 đồng (trong đó 12.006.613.500 đồng gốc và 663.698.913 đồng tiền lãi).

3. Hủy giấy thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Lại Tấn T, bà Bùi Thị Thúy H và bà Lê Nguyễn Phương K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2023, bị đơn bà Bùi Thị Thúy H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn bà Bùi Thị Thúy H giữ nguyên nội dung đơn đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của bà H là không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Thúy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 170/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Thúy H, thấy rằng:

[1.1] Ngày 19/5/2020, bà Lê Nguyễn Phương K và Công ty TNHH K1 ký kết Hợp đồng kinh tế số 10/MBGK.CNX/2020 về việc mua bán gỗ Keo nguyên liệu, quá trình thực hiện hợp đồng mua bán bà Lê Nguyễn Phương K đã chuyển tiền nhiều lần cho ông Lại Tấn T và bà Bùi Thị Thúy H, tổng số tiền là 13.200.000.000 đồng gồm hai khoản là 8,7 tỷ đồng và 4,5 tỷ đồng.

[1.2] Đối với số tiền 8,7 tỷ đồng: Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất ngày 25/01/2022 các bên có lập hợp đồng vay tài sản số tiền 8.700.000.000 đồng được văn phòng C1 chứng nhận. Mặc dù đây là khoản tiền xuất phát từ việc ứng tiền theo hợp đồng mua bán giữa bà K và Công ty K1 nhưng quá trình thực hiện ông T, bà H là người đại diện Công ty đã trực tiếp thỏa thuận chuyển từ khoản tiền ứng sang khoản tiền vay và bên vay là ông T, bà H. Khi xác lập hợp đồng vay tài sản, các bên đều có đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên việc bị đơn cho rằng không có sự việc trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[1.3] Về khoản tiền 4,5 tỷ đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền ứng để bà K mua gỗ của Công ty K1 theo Hợp đồng kinh tế số 10/MBGK.CNX/2020. Tại biên bản đối chất ngày 13/7/2023 (bút lục số 113), người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận đối với số tiền 4.500.000.000 đồng thì vợ chồng bà H, ông T có nhận số tiền này của bà K là số tiền tạm ứng keo. Ngoài ra, bị đơn cho rằng đây là khoản tiền ứng của hợp đồng mua bán và bên mua đã trả chuyển đủ gỗ cho bên mua nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh cho quan điểm của mình. Như vậy, việc bà K yêu cầu bà H, ông T trả số tiền 3.306.613.500 đồng sau khi khấu trừ tiền gỗ đã nhận là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Thúy H, là

không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Bùi Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 430, 357, 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Thúy H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Nguyễn Phương K.

1.1. Buộc vợ chồng ông Lại Tấn T, bà Bùi Thị Thúy H trả cho bà Lê Nguyễn Phương K số tiền 12.730.312.413 đồng (trong đó 12.006.613.500 đồng gốc và 663.698.913 đồng tiền lãi).

1.2. Hủy giấy thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Lại Tấn T, bà Bùi Thị Thúy H và bà Lê Nguyễn Phương K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lại Tấn T và bà Bùi Thị Thúy H phải chịu 120.730.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Nguyễn Phương K được nhận lại 60.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2022/0001423 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H (bà Lê Cao Như Ý nộp thay) đã nộp theo biên lai thu theo tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0004603 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn